

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/DS-PT
Ngày 29 - 9 - 2017
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy
Ông Lương Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/TLPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2017 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2017/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận ĐS, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1588/2017/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn G, sinh năm 1965; nơi ĐKKHKT: Số 2/292 LT, phường KD, quận LC, thành phố Hải Phòng; cư trú tại: Cảng cá NG, H số 2, tổ dân phố Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:*

+ Công ty THH VT; cụm CN VN, quận LC, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1973; Luật sư Công ty luật KL thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 10/5/2017); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Trung tâm Dịch vụ hậu cần thủy sản; địa chỉ trụ sở: Số 17 VTS, quận NQ, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đức Trung; chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi TL; sinh năm 1962; chức vụ: Phó Giám đốc (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 08/5/2017); có mặt.

- Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ dân phố 01C (trước là Khu dân cư số 01C), phường HT, quận DK, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Văn G là nguyên đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn Ông Bùi Văn G trình bày:

Công ty Dịch vụ và Xây dựng Thủy sản ĐS (viết tắt là Công ty dịch vụ) là doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1156 QĐ/UB ngày 24/10/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Ngày 01/02/2000, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 183 QĐ/UB phê duyệt dự án đầu tư xây dựng khu neo đậu tàu thuyền và khu dịch vụ hậu cần bến cá Ngọc Hải ĐS. Ngày 23/02/2004, được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công ty. Ngày 06/12/2004, ông G ban hành Quyết định số 232 QĐ/CT thành lập Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ ngư lưới cụ vật tư nghề cá (viết tắt là Xí nghiệp ngư lưới cụ) trên diện tích đất 11.415m² phía Bắc bến cá Ngọc Hải, ĐS. Ngày 15/12/2004, ông G ban hành Quyết định số 234 QĐ/CT phê duyệt thiết kế kỹ thuật tổng dự toán công trình nhà điều hành, nhà bán hàng và giới thiệu sản phẩm, cổng tường rào Xí nghiệp; trực tiếp chỉ đạo việc đầu tư xây dựng và đã hoàn thành các hạng mục công trình gồm: San lấp mặt bằng 1.277m³ cát; xây dựng 05 gian nhà điều hành; nhà bán hàng và giới thiệu sản phẩm với diện tích 209m²; xây dựng bể nước 12m³ và mua sắm một số trang thiết bị văn phòng. Do Công ty không có vốn, lại chưa huy động được cán bộ công nhân viên bỏ vốn đầu tư nên ông G đã trực tiếp thanh toán, chi trả các chi phí đầu tư xây dựng nêu trên. Đến tháng 6/2005, ông G ban hành Quyết định số 70/QĐ/CT bổ nhiệm Ông Nguyễn Tuấn A - Trưởng phòng kinh doanh xuất nhập khẩu kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Xí nghiệp ngư lưới cụ. Ngày 18/7/2005, ông G ban hành Quyết định số 94/QĐ/CT giao nhiệm vụ cho ông TA và tập thể cán bộ công nhân viên công ty chịu trách nhiệm huy động vốn để tiếp tục đầu tư xây dựng Xí nghiệp ngư lưới cụ theo dự toán thiết kế đã được duyệt và phân kỳ các giai đoạn đầu tư. Ông TA đã huy động vốn đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình sau: Lợp lại mái tôn nhà điều hành, nhà bán hàng bị cơn bão số 2 năm 2005 làm tốc mái; lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng trong nhà; làm cổng, tường rào, bếp, khu vệ sinh; làm sân nhà điều hành, nhà bán hàng; san lấp 2.406m³ mặt bằng Xí nghiệp ngư lưới cụ.

Ngày 27/9/2005, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 2269/QĐ/UBND về việc sáp nhập Công ty dịch vụ và xây dựng thủy sản ĐS vào Công ty chế biến thủy sản xuất khẩu Hải Phòng (Công ty xuất khẩu). Ngày 28/8/2006, Công ty xuất khẩu ra Quyết định số 648/QĐ/CBTS về việc thành lập Xí nghiệp Dịch vụ và Xây dựng thủy sản ĐS (Xí nghiệp dịch vụ). Xí nghiệp này thành lập Xưởng sản xuất và dịch vụ ngư lưới cụ vật tư nghề cá (Xưởng ngư lưới cụ - trước đây là Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ ngư lưới cụ vật tư nghề cá). Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thành lập Trung tâm Dịch vụ hậu cần thủy sản (Trung tâm), ngày 10/6/2011, Công ty chế biến thủy sản xuất khẩu Hải Phòng, Xí nghiệp dịch vụ và xây dựng thủy sản ĐS đã tiến hành bàn giao các hạng mục công trình đầu tư dự án Bến cá Ngọc Hải, ĐS trong đó có Xưởng ngư lưới cụ sang Trung tâm.

Khi biết có việc bàn giao này, ông G đã sang gặp là giám đốc Trung tâm trình bày việc ông G đã bỏ vốn đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình trên đất của Xưởng ngư lưới cụ. Sau khi làm việc với bà L đến ngày 26 Tết âm lịch năm 2012, ông G được ông T thông báo rằng bà Nguyễn Thị T là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty THH VT (Công ty Việt Trường) mời đến Công ty Việt Trường làm việc. Tại buổi làm việc giữa Bà T, ông T (Giám đốc Công ty Việt Trường), ông T và ông G, bà T cho biết: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã đồng ý chủ trương cho phép Công ty Việt Trường thành lập dự án xây dựng nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu tại bến cá Ngọc Hải, ĐS. Bà T đề nghị ông G, ông T xem xét việc sang nhượng các tài sản, nhà xưởng, vật kiến trúc mà ông G và ông T đã đầu tư xây dựng tại Xưởng ngư lưới cụ. Ông G đề nghị phải bồi thường theo quy định của pháp luật trong trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố thu hồi đất và tài sản đầu tư trên đất. Khoảng 09 tháng sau, ông G mới biết bà L, ông T và Công ty Việt Trường đã thỏa thuận ký Hợp đồng chuyển nhượng tài sản trên đất ngày 19/01/2012 bao gồm toàn bộ các tài sản mà ông G và ông T đã đầu tư tại Xưởng ngư lưới cụ cho Công ty Việt Trường.

Sau khi biết việc này, ngày 17/9/2012, ông G bắt đầu làm đơn kiến nghị và tố cáo đến các cơ quan có thẩm quyền nhưng không được giải quyết như mong muốn, vì vậy ngày 30/5/2016, ông G đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận ĐS yêu cầu Công ty Việt Trường phải bồi thường các chi phí đầu tư xây dựng và các tài sản trên diện tích đất của Xưởng ngư lưới cụ theo Quyết định số 130/2010/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định đơn giá đền bù, hỗ trợ khi thu hồi đất và tài sản đầu tư trên đất, cụ thể như sau:

- San lấp mặt bằng: $1.277\text{m}^3 \times 50.000\text{đ}/\text{m}^3 = 63.850.000$ đồng;
- Nhà 05 gian điều hành, giới thiệu sản phẩm: $2.651.259\text{đ}/\text{m}^2 \times 209\text{ m}^2 = 554.113.131$ đồng.
- Bể nước: $864.725\text{ đồng}/\text{m}^3 \times 12\text{ m}^3 = 10.376.700$ đồng;
- Tiền lãi đối với các khoản tiền trên tính từ tháng 01/2016 đến ngày 20/01/2017 là: 59.587.600 đồng

Tổng cộng: 687.927.600 đồng.

Tại các bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ, bị đơn – Công ty THH VT trình bày: Năm 2012, Công ty Việt Trường được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt và cho thuê đất để thực hiện dự án Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu, sản xuất bột cá, thức ăn thủy sản xuất khẩu và hậu cần nghề cá tại Bến cá Ngọc Hải, ĐS, Hải Phòng. Công ty Việt Trường đã trao đổi với Trung tâm và được xác nhận các tài sản thuộc Xưởng ngư lưới cụ là của cá nhân ông TA đầu tư nên đã ký kết hợp đồng số 120119 ngày 19/01/2012 với ông TA thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ tài sản trên đất với mức bồi thường 700.000.000 đồng (bao gồm toàn bộ tài sản của Xưởng ngư lưới cụ, không kiểm kê, kiểm đếm). Khi Công ty Việt Trường nhận bàn giao mặt bằng thì việc san lấp mặt bằng gần như không có. Công ty Việt Trường đã phải đổ đất san lấp mặt bằng bình quân cao thêm 1,5m. Còn các tài sản trên đất chỉ có dãy nhà 05 gian cấp bốn cũ nát lợp mái tôn mạ màu diện tích 145m² và một số vật kiến trúc không còn giá trị sử dụng nên đã phá bỏ.

Tại các bản tự khai và các văn bản khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Tuấn A trình bày: Theo Quyết định số 70 QĐ/CT ngày 06/6/2005 của Giám đốc Công ty Dịch vụ và Xây dựng thủy sản ĐS đã bổ nhiệm Ông Nguyễn Tuấn A kiêm giữ chức vụ Giám đốc Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ ngư lưới cụ, vật tư nghề cá. Ông G- Giám đốc Công ty Dịch vụ và Xây dựng thủy sản ĐS ra Quyết định số 94 QĐ/CT ngày 18/7/2005 giao nhiệm vụ cho ông TA chịu trách nhiệm huy động vốn để đầu tư xây dựng Xí nghiệp ngư lưới cụ; đưa Xí nghiệp vào sản xuất kinh doanh dịch vụ theo đúng luận chứng kinh tế kỹ thuật được duyệt. Tại thời điểm ông TA tiếp nhận Xí nghiệp ngư lưới cụ thì chỉ có 05 gian nhà không có mái, không có trang thiết bị. Do thiếu vốn nên ông TA đã liên kết và thanh toán chi phí cho các nhà thầu các hạng mục đầu tư gồm: Lợp lại mái của 05 gian và lát 02 gian nhà điều hành, giới thiệu sản phẩm; san lấp toàn bộ mặt bằng Xí nghiệp; xây nhà bếp, nhà vệ sinh, khu thay quần áo, làm sân; lắp hệ thống điện. Việc ông G có đầu tư vào Xưởng ngư lưới cụ (Trước đây là Xí nghiệp ngư lưới cụ) hay không, ông TA không biết vì khi ông TA nhận nhiệm vụ này không được bàn giao và cũng không có sổ sách, giấy tờ ghi nhận các tài sản được bàn giao. Theo bản ghi nhớ ngày 02/01/2012 do ông G lập đã ghi nhận các hạng mục do ông G và ông TA đầu tư, ông TA thừa nhận và đã trả cho ông G số tiền là 140.000.000 đồng (đúng như giá trị ghi trong bản ghi nhớ), nhưng cho đến nay, ông G vẫn không đồng ý mà vẫn tiếp tục khởi kiện đến Tòa án.

Tại các bản tự khai và các văn bản khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – đại diện của Trung tâm dịch vụ hậu cần thủy sản trình bày: Năm 2011, Trung tâm nhận bàn giao thì trong đó có Xưởng sản xuất và dịch vụ ngư lưới cụ vật tư nghề cá (trước đây là Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ ngư lưới cụ vật tư nghề cá). Trung tâm có lập Biên bản bàn giao ngày 19/11/2011, nhưng chỉ ghi nhận diện tích đất mà không ghi nhận các tài sản trên diện tích đất: 11.415m². Lý do: Trung tâm chỉ nhận bàn giao tài sản đầu tư có nguồn vốn của nhà nước, còn đối với các tài sản do cá nhân đầu tư thì không lập hồ sơ bàn giao. Nhưng thực tế trên diện tích đất này có các tài sản do ông G và ông TA đầu tư đúng như họ trình bày. Năm

2012, Công ty Việt Trường được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cho thuê diện tích đất nêu trên, Trung tâm đã bàn giao đất theo quy định; còn các tài sản trên đất Công ty Việt Trường đã thỏa thuận, đền bù cho ông TA như ông TA đã trình bày.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2017, Tòa án nhân dân quận DS, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào Điều 91, Điều 92, Điều 143, Điều 256 và Điều 260 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 184, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bác yêu cầu của nguyên đơn là Ông Bùi Văn G đòi bị đơn là Công ty THH VT bồi thường 628.340.000 đồng và tiền lãi 59.587.600 đồng, tổng số tiền là 687.927.600 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20 tháng 01 năm 2017, ông G kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm với lý do quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông G. Ngày 20/02/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng kháng nghị phúc thẩm số 03/2017/KNPT-DS toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân quận DS, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ chưa đủ cơ sở để giải quyết vụ án, cần phải thu thập bổ sung để xác định trị giá tài sản do ông G đầu tư tại thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ra quyết định thu hồi đất để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho ông G.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; yêu cầu khởi kiện và trình bày: Ông G khởi kiện Công ty Việt Trường vì Công ty Việt Trường là đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng giao diện tích đất đã thu hồi của Xưởng sản xuất và dịch vụ ngư lưới cụ vật tư nghề cá (trước đây là Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ ngư lưới cụ vật tư nghề cá) trên đó có các tài sản mà ông G đã đầu tư. Theo quy định của Luật Đất đai và Nghị định số 69/2009/NĐCP ngày 03/8/2009 của Chính Phủ, Quyết định 130 ngày 22/01/2010 và Quyết định số 1240 ngày 29/7/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng khi Nhà nước thu hồi đất và tài sản trên đất trước thời hạn để giao cho Công ty Việt Trường thì công ty này phải có trách nhiệm bồi thường cho ông G trị giá các tài sản trên diện tích đất đã được giao. Ông G chưa bao giờ thảo luận với ông TA về việc phân chia số tiền đầu tư vào Xưởng ngư lưới cụ. Còn việc ông TA chuyển khoản tiền cho bà Nguyễn Thị HA (là vợ của ông G), ông G không biết vì ông G không ủy quyền cho và bà HA cũng không thông báo gì về việc này cho ông G biết.

Ông G đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – Công ty Việt Trường trình bày: Thực tế, trên phần diện tích đất 11.415m² Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng giao cho Công ty Việt Trường tại thời điểm năm 2012, có một số tài sản như: 01 căn nhà 05 gian lợp mái tôn mạ màu diện tích 145m² đã xuống cấp cùng một số công trình không còn giá trị sử dụng. Để đảm bảo tiến độ xây dựng và hỗ trợ người đầu tư, Công ty Việt Trường đã trao đổi với Trung tâm và được biết các tài sản trên diện tích đất này là của cá nhân Ông Nguyễn Tuấn A đầu tư xây dựng. Công ty Việt Trường đã thỏa thuận với ông TA và được sự chứng kiến của Trung tâm, công ty đã bồi thường cho ông TA các tài sản trên đất giá trị 700.000.000 đồng. Trước khi ông G khởi kiện, không có cá nhân, tổ chức nào kể cả ông G có ý kiến tranh chấp. Nay ông G khởi kiện Công ty Việt Trường phải trả số tiền 687.927.600 đồng là không có căn cứ nên Công ty Việt Trường không chấp nhận.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Trung tâm dịch vụ hậu cần thủy sản trình bày: Trung tâm đã mời ông G và ông TA lên hòa giải đề nghị ông TA chia đôi số tiền đã nhận được từ Công ty Việt Trường cho ông G nhưng không có kết quả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Tuấn A trình bày: Ông TA xác nhận đã nhận số tiền 700.000.000 đồng của Công ty Việt Trường bồi thường các tài sản đầu tư trên diện tích đất 11.415m² vào ngày 19/01/2012 và ngày 21/01/2012. Ông TA chỉ đồng ý hoàn trả ông G số tiền 140.000.000 đồng như trong bản ghi nhớ ông G đã lập ngày 02/01/2012. Số tiền này, ông TA đã chuyển vào tài khoản của bà HA ngày 14/4/2014 (là chị gái của ông TA và là vợ ông G).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không nhất trí với kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, sau khi được Hội đồng xét xử phúc thẩm phân tích ông TA đồng ý thỏa thuận và hoàn trả cho ông G ½ số tiền đã nhận của Công ty Việt Trường là 350.000.000 đồng. Công ty Việt Trường và Trung tâm cũng nhất trí với quan điểm của ông Tuấn Anh. Ngoài ra, đại diện theo ủy quyền của Công ty Việt Trường trình bày: Công ty Việt Trường có thể xem xét để hỗ trợ thêm cho ông G. Tuy nhiên, ông G không đồng ý và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết và phán quyết yêu cầu khởi kiện của ông G bằng một bản án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo, kháng nghị: Giữ nguyên kháng nghị phúc thẩm. Do bản án sơ thẩm xác định Xưởng ngư lưới cụ không có tài sản được đầu tư hợp pháp trên đất là không chính xác. Bản án sơ thẩm tuyên

không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông G. Tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ chưa đủ cơ sở để giải quyết vụ án, cần phải thu thập để xác định giá trị tài sản do ông G đầu tư tại thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ra quyết định thu hồi đất. Vì những lý do như trên, căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị phúc thẩm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tuyên: Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp của vụ án được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do vụ án có kháng cáo, kháng nghị nên thuộc thẩm quyền của Tòa dân sự phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Xét kháng cáo và kháng nghị:

Bản án sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của Ông Bùi Văn G về việc buộc Công ty Việt Trường phải bồi thường giá trị công trình xây dựng 05 gian nhà điều hành, giới thiệu sản phẩm diện tích 209m², mái lợp tôn mạ màu; san lấp mặt bằng khối lượng 1.277m³; bể nước 12m³ không có căn cứ chấp nhận là chưa đúng, bởi các lý do như sau:

Công ty dịch vụ và xây dựng thủy sản ĐS được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt dự án xây dựng khu neo tàu thuyền và dịch vụ hậu cần bến cá Ngọc Hải ĐS năm 2000. Vốn đầu tư xây dựng dự án được huy động từ ba nguồn: Vốn Biển Đông hải đảo xây dựng khu neo đậu tránh trú bão; Vốn vay quỹ hỗ trợ phát triển để xây dựng khu dịch vụ hậu cần; Vốn huy động các thành phần kinh tế trong đó có cán bộ công nhân viên trong công ty. Hội nghị cán bộ công nhân viên toàn công ty ngày 30/9/2002 và Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 19/8/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã xác định rõ điều này. Trên cơ sở đó, ông G và ông TA đã bỏ vốn để xây dựng các công trình trên diện tích đất 11.415m² của Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ ngư lưới cụ vật tư nghề cá (sau này là Xưởng sản xuất và dịch vụ ngư lưới cụ vật tư nghề cá). Cụ thể ông G đầu tư: Công trình xây dựng 05 gian nhà điều hành, giới thiệu sản phẩm diện tích 209m², mái lợp tôn mạ màu; san lấp mặt bằng khối lượng 1.277m³; bể nước 12m³. Ông TA đầu tư: Lợp mái tôn nhà điều hành, nhà bán hàng do bị bão làm tốc mái; lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng trong nhà; làm cổng, tường rào, bếp, khu vệ sinh; làm sân nhà điều hành, nhà bán hàng; san lấp mặt bằng.

Việc này đã được ông G và ông TA thống nhất thừa nhận, ông G đã viết bản ghi nhớ ngày 02/01/2012 về việc ông G đã đầu tư hạng mục nào và ông TA đã đầu tư hạng mục nào. Ông TA đồng ý với nội dung bản ghi nhớ về các hạng mục công trình ông G đã đầu tư nên mới trả cho ông G số tiền 140.000.000 đồng thông qua chị gái là bà Nguyễn Thị HA. Công ty Việt Trường, Trung tâm trình bày khi bàn giao diện tích đất 11.415m² cho nhau có lập biên bản ghi nhận tài sản bàn giao là diện tích đất mà không ghi nhận tài sản trên đất vì các bên chỉ bàn giao cho nhau những tài sản của nhà nước, còn những tài sản do cá nhân đầu tư thì không bàn giao. Nhưng tại các bản tự khai, Trung tâm và Công ty Việt Trường đều xác nhận tại thời điểm Công ty Việt Trường nhận bàn giao đất thì có một số tài sản trên đất bao gồm: 01 căn nhà 05 gian lợp mái tôn mạ màu diện tích 145m² đã xuống cấp cùng một số công trình không còn giá trị sử dụng. Có như vậy, Công ty Việt Trường, Trung tâm và ông TA mới ký Hợp đồng thỏa thuận nhượng tài sản trên đất ngày 19/01/2012 và theo đó đã bồi thường các tài sản trên đất cho ông TA số tiền 700.000.000 đồng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định ông G có đầu tư các công trình xây dựng trên diện tích đất 11.415m² đã bàn giao cho Công ty Việt Trường năm 2012.

Nay để giải quyết được yêu cầu khởi kiện của ông G về việc yêu cầu Công ty Việt Trường phải bồi thường khoản tiền ông G đã đầu tư trên diện tích đất 11.415m² thì Tòa án phải xác định được giá trị của các công trình, hạng mục mà ông G đã đầu tư trên diện tích đất 11.415m² tại thời điểm năm 2012 - thời điểm Công ty Việt Trường nhận bàn giao. Đây chính là chứng cứ quan trọng để giải quyết yêu cầu của nguyên đơn mà Tòa án cấp sơ thẩm cần phải xác định được. Kể cả trong trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vẫn phải xác định giá trị tài sản mà ông G khởi kiện yêu cầu Công ty Việt Trường phải hoàn trả để có cơ sở tính án phí cho các đương sự. Như vậy, việc thu thập chứng cứ và chứng minh của Tòa án cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm - quy định tại khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Văn G không phải chịu án phí phúc thẩm – khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310; khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – Ông Bùi Văn G và chấp nhận kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

Xử:

1. Hủy bản án sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân quận ĐS, thành phố Hải Phòng; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận ĐS, thành phố Hải Phòng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo – Ông Bùi Văn G không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Trả lại ông G số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 200.000 đồng theo Biên lai thu số 7177 ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận ĐS, thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND quận ĐS;
- Chi cục THADS quận ĐS;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Phương